

Bản án số: 78/2023/DS-PT

Ngày 10-3-2023

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Cẩm Đào

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T6 Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc “ Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 293/2022/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1944 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Võ Bé Năm – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị D3, sinh năm 1961 (có mặt).

2. Bà Phạm Thị K1, sinh năm 1957 (có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn Giữ (Dữ), sinh năm 1960

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Giữ: Bà Phạm Thị D4, sinh năm 1970 (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1952 (Đã qua đời ngày 02/02/2023).

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị D1:

1. Chị Nguyễn Thị N6, sinh năm 1979 (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1976

3. Chị Nguyễn Thị T6 , sinh năm 1981

4. Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1984

Người đại diện theo ủy quyền của anh H2, chị T6 là chị Đoàn Thị L, sinh năm 1984 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị D4, sinh năm 1970 (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị H1 (vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị T2 (vắng mặt).

4. Ông Hồ Quang N1 (vắng mặt).

5. Chị Hồ Bích N2 (vắng mặt).

6. Anh Hồ Duy K2 (vắng mặt).

7. Anh Hồ Chí N3 (vắng mặt).

8. Chị Nguyễn Thị Thiều (vắng mặt).

9. Chị Nguyễn Thị B (vắng mặt).

10. Anh Nguyễn Văn N4 (vắng mặt).

11. Chị Nguyễn Thị K3 (vắng mặt).

12. Chị Nguyễn Thị A (vắng mặt).

13. Anh Nguyễn Văn P (vắng mặt).

14. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1978 (có mặt).

15. Chị Nguyễn Thị Trang (vắng mặt).

16. Anh Nguyễn Văn T5 (vắng mặt).

17. Chị Nguyễn Thị N5 (vắng mặt).

18. Chị Trần Kiều E (vắng mặt).

19. Anh Nguyễn Văn H2.

20. Chị Nguyễn Thị T6.

21. Chị Đoàn Thị L.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H2, chị T6 là chị Đoàn Thị L, sinh năm 1984 (có mặt).

22. Chị Nguyễn Thị N6 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C ..

23. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: Số 2, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang Trọng – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị T1, là nguyên đơn. Bà Phạm Thị K1, bà Nguyễn Thị D1, ông Nguyễn Văn D2, bà Nguyễn Thị D3 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn, bà Lê Thị T1 trình bày:* Nguồn gốc đất của vợ chồng bà T1 nhận chuyển nhượng của ông Tư Tánh từ năm 1982 với diện tích 19 công tâm lớn, đến năm 1992 thì chồng bà T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 23.510m², đến năm 1997 chuyển tên quyền sử dụng đất sang tên bà T1. Khi nhận chuyển nhượng đất và khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đo đạc chiều ngang chiều dài phần đất của bà T1. Hiện nay chồng bà T1 là ông Nguyễn Văn Dầy đã qua đời nên bà T1 xác định phần đất của bà T1 có chiều ngang mặt tiền 44,5 mét, chiều ngang mặt hậu 40,2 mét, chiều dài từ tiền tới hậu. Năm 2007 bà T1 phát hiện các bị đơn đã trồng cây trên phần đất do bà T1 xác định của vợ chồng bà T1 nhận chuyển nhượng nên có báo chính quyền địa phương nhưng không được chính quyền địa phương lập biên bản, đến năm 2014 bà T1 tiếp tục yêu cầu thì chính quyền địa phương có lập biên bản để xác định ranh nhưng các bị đơn không thống nhất. Hiện nay bà T1 xác định các bị đơn đã lấn chiếm đất của bà T1 có chiều ngang mặt tiền giáp kinh Độc Lập là 4,43m, chiều ngang mặt hậu 2,38m, chiều dài từ tiền đến hậu với diện tích 2.031,3m². Phần đất bà T1 hiện nay do bà T1 cùng con là Nguyễn Văn M và dâu là Trần Kiều E và Nguyễn Văn P đang quản lý và sử dụng. Quyền sử dụng đất hiện nay đang thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vay 90.000.000 đồng chưa trả.

Nay bà T1 yêu cầu các bị đơn là bà K1, bà Nguyễn Thị D1, bà D3, ông Giữ phải trả cho bà T1 diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 2.031,3m². Đối với các cây trồng trên đất tranh chấp yêu cầu các bị đơn di dời trả đất.

- *Bị đơn, bà Phạm Thị K1 trình bày:* Nguồn gốc đất của bà K1 đang quản lý, sử dụng là của cha mẹ chồng là cụ Nguyễn Đại Đồng và cụ Phạm Thị Kế tặng cho vợ chồng bà K1 hơn 07 công tâm lớn đất trồng lúa và cái đìa cùng với 500m² đất ở. Phần đất ở có mặt tiền giáp kinh Độc Lập, phần đất trồng lúa ở phía sau hậu đất. Diện tích đất do chồng bà K1 là ông Nguyễn Văn Pc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 04/3/1994 là 7.800m² đất trồng lúa và 500m² đất ở. Hiện nay theo đo đạc thực tế thì bà K1 đang quản lý sử dụng diện tích đất 9.337,7m². Nay bà T1 cho rằng bà K1 lấn chiếm phần đất ở mặt tiền giáp kinh Độc Lập có chiều ngang mặt tiền 4,3m chiều ngang mặt hậu 4,27m, diện tích 132,4m² và phần đất trồng lúa giáp hậu đất có chiều ngang giáp đất ông Nguyễn Văn Giữ là 2,93m, chiều ngang mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn Lạc là 2,38 mét, diện tích là 475,9m² theo sơ đồ đo đạc thì bà K1 không lấn chiếm đất nên không thống nhất trả đất. Đối với ông Nguyễn Văn Pc đã qua đời nên phần đất hiện nay do bà K1 cùng các con là chị Nguyễn Thị Thiều, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn N4 quản lý sử dụng đất. Quyền sử dụng đất hiện nay đang thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà

Mau vay 50.000.000 đồng chưa trả. Phần đất tranh chấp giữa bà K1 và bà T1 phần ở mặt tiền được xác định là cái bờ chung, mỗi người sử dụng $\frac{1}{2}$ cái bờ. Phần đất ở phía sau hậu bà T1 tranh chấp với bà K1 được xác định là đất ruộng liền ranh nhau không có bờ. Bà K1 xác định toàn bộ phần đất tranh chấp hiện nay bà T1 kiện đòi là do gia đình bà K1 quản lý và sử dụng từ trước đến nay nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà K1 nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của bà T1.

- **Bị đơn, bà Nguyễn Thị D1 trình bày:** Nguồn gốc đất của cha mẹ bà là cụ Nguyễn Đại Đồng và cụ Phạm Thị Kế cho bà D1, ngày 11/3/1994 bà D1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 17.960 m². Quá trình sử dụng đất bà D1 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị D3 (cháu bà D1) diện tích 06 công tằm lớn nằm ở vị trí đoạn giữa giáp ranh đất với bà K1, phần đất còn lại bà D1 sử dụng, việc chuyển nhượng đất chưa được chuyển tên quyền sử dụng đất cho bà D3. Quyền sử dụng đất hiện nay đang thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vay 200.000.000 đồng chưa trả. Hiện nay, bà T1 cho rằng bà D1 lấn chiếm đất của bà T1 có diện tích 533,3 m², bà D1 không đồng ý do phần đất này từ trước đến giờ gia đình quản lý sử dụng. Trên phần đất tranh chấp ở mặt tiền có 01 bờ dừa mỗi bên sử dụng $\frac{1}{2}$ bờ, hai bên bờ mỗi bên có một con kênh của bên nào thì bên đó sử dụng. Hiện nay bà T1 sử dụng hết cái bờ nhưng kiện đòi bà trả $\frac{1}{2}$ con kênh do bà đang sử dụng nên bà D1 không đồng ý. Ở phần đất hậu là phần đất ruộng do 02 bên canh tác ruộng giáp với nhau từ trước đến nay không có bờ. Chồng bà D1 là ông Đoàn Văn Sử đã qua đời, vào ngày 02/02/2023 bà D1 qua đời nên các con bà D1 gồm anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị N6, chị Nguyễn Thị T6 và chị Đoàn Thị L kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D1 quản lý đất và không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà T1.

- **Bị đơn, bà Nguyễn Thị D3 trình bày:** Nguồn gốc đất do bà D3 nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị D1 vào năm 2000 với diện tích 06 công đất tằm lớn, việc chuyển nhượng không có làm giấy tờ, hiện nay phần đất bà Nguyễn Thị D1 đứng tên quyền sử dụng đất. Phần đất hiện nay gia đình bà đang trực tiếp quản lý và sử dụng có ranh giới giữa đất bà D3 và bà T1 là cái mương 03 mét mỗi bên sử dụng $\frac{1}{2}$ cái mương từ trước đến nay không tranh chấp và có nhiều cây trồng của gia đình bà D3 trồng. Hiện nay, bà T1 cho rằng bà D3 lấn chiếm đất bờ diện tích 300,5m² và lấn chiếm diện tích đất mương là 304,6m² bà D3 không thừa nhận có lấn chiếm đất bà T1 nên không đồng ý trả đất.

- **Bị đơn, ông Nguyễn Văn Giữ do bà Phạm Thị D4 là vợ ông Giữ đại diện theo ủy quyền trình bày:** Nguồn gốc đất của cha mẹ chồng là cụ Nguyễn Đại Đồng và cụ Phạm Thị Kế tặng cho vợ chồng bà với diện tích đất 03 công tằm lớn, quá trình quản lý và sử dụng đất thì bà Nguyễn Thị D1 đại diện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, vợ chồng bà có 02 người con là chị Nguyễn Thị H1 và chị Nguyễn Thị T2 hiện nay đang trực tiếp quản lý và sử dụng đất không có lấn chiếm đất bà T1. Ranh giới giữa 02 bên là đất ruộng liền nhau, không có bờ. Nay, bà T1 kiện cho rằng ông Giữ lấn chiếm diện tích đất theo đo đạc là 284,6m² ông Giữ và

bà Phạm Thị D4 không đồng ý trả đất.

- **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm:** Anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị N6, chị Nguyễn Thị T6, chị Đoàn Thị L, là con bà Nguyễn Thị D1. Chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị T2 là con bà Phạm Thị D4 và ông Nguyễn Văn Giữ. Ông Hồ Quang N1, chị Hồ Bích N2, anh Hồ Duy K2, anh Hồ Chí N3 là chồng và con bà Nguyễn Thị D3. Chị Nguyễn Thị Thiệu, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn N4 là con bà Nguyễn Thị Khoa. Chị Nguyễn Thị K3, chị Nguyễn Thị A, anh Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Trang, anh Nguyễn Văn T5, chị Nguyễn Thị N5, chị Trần Kiều E, là con và dâu bà Lê Thị T1, không có yêu cầu gì khác đối với yêu cầu của bà T1, bà K1, bà Nguyễn Thị D1, ông Nguyễn Văn Giữ và bà Nguyễn Thị D3. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam – Chi nhánh huyện Trần Văn Thời không có yêu cầu các đương sự trả nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 293/2022/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T1 đối với các bị đơn bà Phạm Thị K1, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị D3, ông Nguyễn Văn Giữ (Dữ).

Buộc các bị đơn và gia đình phải có nghĩa vụ giao trả lại cho nguyên đơn ½ diện tích đất tranh chấp là 1.015,65m² – Đất tọa lạc tại ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C., cụ thể như sau:

+ Buộc bà Phạm Thị K1 cùng chị Nguyễn Thị Thiệu, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn N4 có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T1 diện tích đất từ điểm M2 trở qua điểm M3 là 2,215 mét, từ điểm M22 trở qua điểm M21 là 2,135 mét và diện tích đất từ điểm M27 trở qua điểm M16 là 1,465 mét, từ điểm M28 trở qua điểm M15 là 1,19 mét.

+ Buộc bà Nguyễn Thị D1 cùng anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị N6, chị Nguyễn Thị T6, chị Đoàn Thị L có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T1 diện tích đất từ điểm M22 trở qua điểm M21 là 2,135 mét, từ điểm M23 trở qua điểm M20 là 2,055 mét và diện tích đất từ điểm M25 trở qua điểm M18 là 1,785 mét, từ điểm M26 trở qua điểm M17 là 1,62 mét. Đồng thời, phải có nghĩa vụ chặt đốn hoặc di dời cây trồng trên phạm vi đất phải trả cho bà Lê Thị T1.

+ Buộc bà Nguyễn Thị D3 cùng ông Hồ Quang N1, chị Hồ Bích N2, anh Hồ Duy K2, anh Hồ Chí N3 có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T1 diện tích đất từ điểm M23 trở qua điểm M20 là 2,055 mét, từ điểm M24 trở qua điểm M19 là 1,925 mét và diện tích đất từ điểm M24 trở qua điểm M19 là 1,925 mét, từ điểm M25 trở qua điểm M18 là 1,785 mét. Đồng thời, phải có nghĩa vụ chặt đốn hoặc di dời cây trồng trên phạm vi đất phải trả cho bà Lê Thị T1.

+ Buộc ông Nguyễn Văn Giữ (Dữ) cùng bà Phạm Thị D4, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T1 diện tích đất từ điểm M26 trở qua điểm M17 là 1,62 mét, từ điểm M27 trở qua điểm M16 là 1,465 mét.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T1 yêu cầu các bị đơn bà Phạm Thị K1, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị D3, ông Nguyễn Văn Giữ (Dữ) trả $\frac{1}{2}$ diện tích đất tranh chấp 1.015,65m².

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20/11/2022, các bị đơn là bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị D3, bà Phạm Thị K1, ông Nguyễn Văn Giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 24/11/2022 nguyên đơn là bà Lê Thị T1 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T1 và buộc các bị đơn trả lại chi phí tố tụng 29.608.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Lê Thị T1, bà Phạm Thị K1, bà Nguyễn thị Dì, bà Đoàn Thị L kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị D1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc đất của bà T1 đang quản lý, sử dụng hiện nay bà T1 cho rằng do bà T1 nhận chuyển nhượng của ông Tư Tánh vào năm 1982, năm 1992 chồng bà T1 là ông Nguyễn Văn Dây được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 22/4/1997 thì chuyển sang tên bà T1 với diện tích đất được cấp là 23.510m². Bà T1 thừa nhận khi nhận chuyển nhượng đất các bên không đo đạc để xác định chiều ngang, chiều dài. Khi kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1992 do chồng bà T1 đứng tên cũng không đo đạc cụ thể để xác định chiều ngang và chiều dài của phần đất do vợ chồng bà T1 đang quản lý, sử dụng. Bà T1 cho rằng khi nhận chuyển nhượng đất thì hiện trạng đất giữa bà T1 và bà K1, bà Nguyễn Thị D1 giáp ranh nhau là phần đất mương liền kề với phần đất ruộng của bà K1 và bà D1. Liền kề với cái mương là cái bờ dừa do bà T1 được ông Tư Tánh giao cho vợ chồng bà T1 khi nhận chuyển nhượng đất.

Bà T1 cho rằng khi nhận chuyển nhượng đất thì bà T1 được giao cả cái bờ và cái mương nằm giáp ranh với phần đất ruộng do bà K1 và bà D1 đang quản lý. Tuy nhiên sau khi nhận đất thì bà T1 chỉ sử dụng đất bờ trở về phía đất của bà T1, còn phần đất mương bà không sử dụng nên bà K1, bà Nguyễn Thị D1, bà D3, ông Giữ quản lý sử dụng.

Theo sơ đồ đo đạc ngày 15/6/2021, bà T1 xác định phần đất tranh chấp là cái mương nằm giáp với cái bờ do bà T1 đang quản lý có chiều ngang mặt tiền giáp

kinh Độc Lập là 4,43m, chiều ngang mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn Lạc là 2,3m, chiều dài từ kinh Độc Lập đến hết phần bờ do bà K1 và bà Nguyễn Thị D1 quản lý là 70,6m, chiều dài còn lại là đất nương do bà D3, bà Nguyễn Thị D1 ông Nguyễn Văn Giữ và bà K1 sử dụng là 521,34m² theo sơ đồ đo đạc thể hiện vị trí M₂M₃M₁₅M₂₈ có diện tích 2.031,3m².

Bà T1 cho rằng khi bà T1 nhận chuyển nhượng đất đã được ông Tư Tánh giao cả phần đất nương đang tranh chấp hiện nay cho bà T1, nhưng bà T1 không có chứng cứ gì để chứng minh phần đất nương là đất của bà T1. Trong khi đó bà T1 thừa nhận từ trước đến nay bà T1 không sử dụng phần đất tranh chấp nêu trên mà phần đất nương là do các bị đơn sử dụng. Bà T1 thừa nhận chỉ sử dụng phần đất là cả cái bờ trở về phía đất của bà T1. Do đó hiện nay bà T1 xác định diện tích đất tranh chấp đo từ cái bờ trở về phía phần đất của bà K1, bà Nguyễn Thị D1, bà D3, ông Giữ đang quản lý, sử dụng ổn định từ trước đến nay là không có cơ sở.

Mặc khác, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1 được cấp vào ngày 22/4/1997 với diện tích 23.510m², bà T1 thừa nhận khi cấp đất không đo đạc để xác định chiều ngang, chiều dài, mà căn cứ vào đơn xin cấp đất theo diện tích đất do bà T1 kê khai và được cơ quan quản lý đất đai của huyện phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng loạt cho nhiều người. Do đó, hiện nay bà T1 đang quản lý sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế là 23.087m², bà T1 cho rằng diện tích đất bà bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu bà K1, bà Nguyễn Thị D1, bà D3, ông Giữ trả cho bà T1 tổng diện tích đất là 2.031,3m².

Tại hồ sơ, bà T1 cho rằng bà K1, bà D1 lấn chiếm đất của bà T1 được chính quyền địa phương lập biên bản vào năm 2014, nhưng tại phiên tòa bà T1 thừa nhận năm 2014, do bà T1 tự đo đạc xác định phần đất của bà T1 có chiều ngang 44,5m chiều ngang hậu 40,2m nên phần đất của bà T1 đang quản lý sử dụng thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1 nên yêu cầu chính quyền địa phương xác định ranh đất. Do đó bà T1 cho rằng các bị đơn lấn chiếm đất của bà T1 là không có cơ sở.

Cấp sơ thẩm chia đôi diện tích đất tranh chấp cho bà T1 ½ diện tích là 1.015,65m² thì diện tích đất bà T1 vẫn nhiều hơn diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1 là 592,65m², trong khi đó bà T1 không quản lý sử dụng phần đất tranh chấp từ trước đến nay. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1 về việc buộc bà K1, bà Nguyễn Thị D1, bà D3 và ông Giữ trả cho bà T1 diện tích đất 2.031,3m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị K1, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị D3, ông Nguyễn Văn Giữ, Hội đồng xét xử xét thấy. Phần đất tranh chấp hiện nay có diện tích 2.031,3m² là phần đất nương có chiều ngang giáp kênh Độc Lập, chiều dài từ kênh Độc Lập đến phần hậu đất giáp với đất ông Nguyễn Văn Lạc được chia ra nhiều đoạn do bà K1, bà Nguyễn Thị D1, bà D3, ông Giữ quản lý, sử dụng liền kề với phần đất trồng lúa của các đương sự đang quản lý sử dụng. Phần đất ở đoạn mặt tiền giáp kinh Độc Lập có chiều ngang 4,43m, chiều dài

70,6m là phần đất nương liền ranh với phần bà K1 và bà D1 đang quản lý, phần đất này liền kề với cái bờ dừa do bà T1 đang quản lý, sử dụng không có tranh chấp. Phần đất nương còn lại ở đoạn tiếp theo có chiều dài 521,34m do bà K1, bà D3, bà D1, ông Giũ, quản lý, sử dụng liền kề với phần đất trồng lúa của các đương sự.

[3] Tại hồ sơ và tại phiên tòa, bà L là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị D1, cùng với bà K1, bà D3 đều xác định cái bờ là ranh đất của bà T1 với các bị đơn có chiều dài theo đo đạc là 70,6m tiếp giáp với cái bờ đến hậu đất là cái nương chung do các bên sử dụng đã ổn định từ trước đến nay. Bà T1 cũng xác định khi đo đạc thì bà T1 đã xác định phần đất tranh chấp từ trước đến nay bà T1 không sử dụng, chỉ sử dụng từ hết cái bờ trở qua đất của bà T1, do đó hiện nay nếu tính phần đất tranh chấp là phần đất nương giáp cái bờ của bà T1 để đo thẳng ra hậu đất thì phần đất bà T1 yêu cầu các bị đơn trả đất sẽ là phần đất ruộng của các bị đơn đang quản lý và sử dụng từ trước đến nay. Do đó bà K1, bà Nguyễn Thị D1, bà D3, ông Giũ kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà T1 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà T1, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn là bà Phạm Thị K1, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị D3, ông Nguyễn Văn Giũ là có cơ sở, được hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 29.608. 000 đồng, bà T1 đã nộp xong.

[5] Án phí phúc thẩm: Bà T1 được miễn do là người cao tuổi, bà K1, bà D1, bà D3, ông Giũ không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị T1.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị K1, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị D3, ông Nguyễn Văn Giũ (Dữ).

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 293/2022/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T1 đối với các bị đơn bà Phạm Thị K1, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị D3, ông Nguyễn Văn Giũ (Dữ) về việc buộc các bị đơn trả lại phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích là 2.031,3m² tại ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C ..

(Có bản vẽ hiện trạng ngày 15/6/2021 của Trung tâm kỹ thuật – công nghệ - quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau kèm theo).

2. Chi phí tố tụng:

- Nguyên đơn bà Lê Thị T1 tự chịu số tiền là 29.608.000 đồng. Bà T1 đã nộp xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Lê Thị T1 được miễn theo quy định. Bà Phạm Thị K1, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị D3, ông Nguyễn Văn Giữ không phải chịu.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hà

Đinh Cẩm Đào

Bùi Thị Phương Loan

